

THÔNG BÁO

Danh mục tài liệu ôn tập, danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2022

Căn cứ Kế hoạch số 77-KH/TU ngày 01/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 446-QĐ/TU ngày 31/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 491-QĐ/TU ngày 23/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phê duyệt danh mục tài liệu ôn tập, Quyết định số 490-QĐ/TU ngày 23/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phê duyệt danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2022,

Hội đồng tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hưng Yên năm 2022 thông báo như sau:

1. Về danh mục tài liệu ôn tập kỳ tuyển dụng công chức năm 2022

- Danh mục tài liệu ôn tập môn Kiến thức chung.
- Nội dung ôn tập môn Ngoại ngữ (*Tiếng Anh*)
- Danh mục tài liệu ôn tập môn nghiệp vụ chuyên ngành (*17 chuyên ngành*)

(Có phụ lục kèm theo)

2. Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng công chức năm 2022: 139 thí sinh (*một trăm ba mươi chín*)

(Có danh sách kèm theo)

3. Danh sách thí sinh không đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng công chức năm 2022: 04 thí sinh (*bốn*)

(Có danh sách kèm theo)

Danh mục tài liệu ôn tập, danh sách thí sinh đủ điều kiện, không đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng công chức năm 2022 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên, địa chỉ: www.hungyen.dcs.vn, mục Thông tin tuyển dụng công chức các cơ quan Đảng tỉnh Hưng Yên.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm niêm yết công khai *Danh mục tài liệu ôn tập, Danh sách thí sinh đủ điều kiện tham gia kỳ tuyển dụng công chức năm 2022* tại trụ sở làm việc và thông báo đến thí sinh đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm thuộc cơ quan, đơn vị mình được biết.

Mọi phản ánh, thắc mắc đề nghị liên hệ trực tiếp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy qua số điện thoại 02213.865.383 trong giờ hành chính các ngày làm việc để được giải đáp, hướng dẫn.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử Đảng bộ tỉnh Hưng Yên (để thông báo);
- Ban Giám sát;
- Thành viên HĐTDCC năm 2022;
- Các ban Đảng, cơ quan thuộc Tỉnh ủy; MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- BTV huyện ủy, thị ủy, thành ủy, ĐUK CQ-DN tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Lưu HĐTDCC, BTCTU.

TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY

kiêm

PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Phạm Văn Khuê

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP
KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CÁC CƠ QUAN ĐẢNG,
MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI
TỈNH HUNG YÊN, NĂM 2022

(Vòng I)

(Kèm theo Thông báo số 06-TB/HĐTDCC ngày 24/6/2022 của Hội đồng Tuyển dụng công chức)

A. MÔN KIẾN THỨC CHUNG

1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.
2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 28/11/2013
3. Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.
4. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.
5. Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng.
6. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.
7. Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9//2020 của Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức.
8. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

B. MÔN TIẾNG ANH

Trình độ tương đương bậc 3 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

DANH MỤC TÀI LIỆU ÔN TẬP

KỶ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH HƯNG YÊN, NĂM 2022

(Vòng II – Môn nghiệp vụ chuyên ngành)

(Kèm theo Thông báo số 06-TB/HĐTDCC ngày 24/6/2022 của Hội đồng Tuyển dụng công chức)

I. CHUYÊN VIÊN VỀ VĂN PHÒNG CẤP ỦY

1. Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018.
2. Nghị định số 26/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 03/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục bí mật nhà nước của Đảng.
3. Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.
4. Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.
5. Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.
6. Hướng dẫn số 03-HD/VPTW ngày 06/02/1998 của Văn phòng Trung ương Đảng về xây dựng chương trình công tác của cấp ủy.
7. Hướng dẫn số 22-HD/VPTW ngày 22/3/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về ban hành một số văn bản của các cơ quan lãnh đạo cấp tỉnh, thành phố.
8. Hướng dẫn số 26-HD/VPTW ngày 08/6/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác phục vụ hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.
9. Hướng dẫn số 36-HD/VPTW ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng.
10. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

II. CHUYÊN VIÊN VỀ LƯU TRỮ

1. Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011 của Quốc hội
2. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14, ngày 15/11/2018 của Quốc hội.
3. Quy định số 270-QĐ/TW ngày 06/12/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam.

4. Quy định số 693-QĐ/VPTW ngày 15/12/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức đảng.

5. Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.

6. Hướng dẫn số 35-HD/VPTW ngày 18/10/2010 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện “Bảng thời hạn bảo quản mẫu những tài liệu chủ yếu hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng ở cấp tỉnh” và “Bảng thời hạn bảo quản mẫu những tài liệu chủ yếu hình thành trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức đảng ở cấp huyện”.

7. Hướng dẫn số 15-HD/VPTW ngày 14/12/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc quản lý tài liệu lưu trữ của các cơ quan, tổ chức đảng và các tổ chức chính trị - xã hội xã, phường, thị trấn.

8. Hướng dẫn số 17-HD/VPTW ngày 16/12/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng về lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

9. Hướng dẫn số 36-HD/VPTW ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng.

10. Hướng dẫn số 50-HD/VPTW ngày 10/10/2019 của Văn phòng Trung ương Đảng về chỉnh lý tài liệu.

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

III. CHUYÊN VIÊN VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN

1. Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006.

2. Luật Giao dịch điện tử số 51/2005/QH11 ngày 29/11/2005.

3. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 của Quốc hội.

4. Chỉ thị số 41-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường phối hợp và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

5. Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

6. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư.

7. Quyết định số 273-QĐ/TW ngày 20/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin diện rộng của Đảng.

8. Quy định số 217-QĐ/TW ngày 20/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương về việc gửi nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

9. Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

10. Quy định số 693-QĐ/VPTW ngày 15/12/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức đảng.

11. Hướng dẫn số 17-HD/VPTW ngày 16/12/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng về lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

12. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

IV. VỊ TRÍ QUẢN TRỊ, CHUYÊN VIÊN VỀ QUẢN TRỊ

1. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 của Quốc hội.

2. Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ về quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Quy định số 09-QĐ/VPTW ngày 22/9/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về một số chế độ chi tiêu hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

4. Quyết định số 233-QĐ/VPTW ngày 21/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp của Đảng.

5. Quy định số 42-QĐ/TW ngày 03/10/2016 của Ban Bí thư về nhiệm vụ và quan hệ công tác của thường trực tỉnh ủy, thành ủy.

6. Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

7. Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

8. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

9. Hướng dẫn số 26-HD/VPTW ngày 08/6/2017 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác phục vụ hội nghị ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy.

10. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

V. CHUYÊN VIÊN VỀ TÀI CHÍNH ĐẢNG, KẾ TOÁN

1. Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13.

2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13.

3. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14.
4. Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán; Nghị định số 151/2018/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.
5. Nghị định số 41/2018/NĐ-CP về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.
6. Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-VPQH ngày 04/7/2019 của Văn phòng Quốc Hội và các nghị định, thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu.
7. Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/ 2017 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.
8. Quy định số 2233-QĐ/VPTW ngày 27/02/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thực hiện chế độ kế toán đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng.
9. Thông tư số 1539/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính quy định chi tiết về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với các cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.
10. Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.
11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

VI. VĂN THƯ

1. Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14 ngày 15/11/2018 của Quốc hội.
2. Quy định số 66-QĐ/TW ngày 06/02/2017 của Ban Bí thư Trung ương quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng.
3. Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư.
4. Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu.
5. Quy định số 217-QĐ/TW ngày 20/01/2020 của Ban Bí thư Trung ương về việc gửi nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và trên mạng Internet.
6. Quy định số 693-QĐ/VPTW ngày 15/12/2021 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác văn thư trong các cơ quan, tổ chức đảng.
7. Hướng dẫn số 48-HD/VPTW ngày 11/3/2015 của Văn phòng Trung ương Đảng về công tác văn thư trong các cơ quan của tổ chức chính trị - xã hội.

8. Hướng dẫn số 17-HD/VPTW ngày 16/12/2016 của Văn phòng Trung ương Đảng về lập hồ sơ và nộp lưu hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ cơ quan.

9. Hướng dẫn số 36-HD/VPTW ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản của Đảng.

10. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

VII. CHUYÊN VIÊN VỀ TỔ CHỨC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHUYÊN VIÊN VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC

1. Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng.

3. Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021 của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng.

4. Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật viên chức năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật viên chức ngày 25/11/2019.

5. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 29/11/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

6. Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

7. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”; Kế hoạch số 88-KH/TU ngày 05/02/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII).

8. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của BCH Trung ương về “tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

9. Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

10. Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

VIII. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT

1. Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng.

2. Quy định số 195-QĐ/TW ngày 18/6/2019 của Ban Bí thư về chỉ đạo của Ủy ban kiểm tra cấp trên đối với Ủy ban Kiểm tra cấp dưới trong công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng.

3. Quy định số 01-QĐ/TW ngày 10/5/2018 của Bộ Chính trị về trách nhiệm và thẩm quyền của ủy ban kiểm tra trong công tác phòng chống tham nhũng.

4. Quy định số 07-QĐ/TW ngày 28/8/2018 của Bộ Chính trị về “xử lý kỷ luật tổ chức đảng vi phạm”.

5. Quy định số 102-QĐ/TW ngày 15/11/2017 của Bộ Chính trị về “xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm”.

6. Quy định 179-QĐ/TW ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị về chế độ kiểm tra, giám sát công tác cán bộ.

7. Quy định số 86-QĐ/TW ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về “giám sát trong Đảng”.

8. Hướng dẫn số 02-HD/UBKTTW ngày 12/9/2017 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện một số điều trong quy định số 86-QĐ/TW của Bộ Chính trị về “giám sát trong Đảng”.

9. Quyết định số 505-QĐ/UBKTTW ngày 14/4/2022 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về tiêu chuẩn, chức danh và bổ nhiệm ngạch kiểm tra Đảng.

10. Quy định số 04-QĐ/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

11. Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

12. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025

IX. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

1. Nghị quyết 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

3. Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

4. Kết luận số 76/KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về

xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước

5. Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 18/01/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường, nâng cao chất lượng nghiên cứu, biên soạn, tuyên truyền, giáo dục lịch sử Đảng.

6. Chỉ thị số 23-CT/TW ngày 09/2/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới

7. Quyết định số 973-QĐ/BTGTW ngày 15/12/2021 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc ban hành Quy chế hoạt động báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng

8. Đề án số 01-ĐA/TU ngày 25/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quán triệt học tập triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân

9. Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

10. Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025

X. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN

1. Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.

2. Kết luận số 43-KL/TW ngày 07/01/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 25-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới”.

3. Kết luận số 114-KL/TW, ngày 14/7/2015 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của cơ quan nhà nước các cấp.

4. Chỉ thị 33/CT-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính Nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới.

5. Chỉ thị 30-CT/TW ngày 18/02/1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về xây dựng và thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở.

6. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.

7. Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Kết luận số 120-KL/TW ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

9. Quyết định số 23-QĐ/TW ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị.

10. Quy định số 04-QĐi/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

11. Quy định số 46-QĐ/TW ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc huyện ủy, quận ủy, thị ủy, thành ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy.

12. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XI. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

1. Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Quy định số 11-QĐi/TW ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với nhân dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân.

3. Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, tố giác, người đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

4. Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, án tham nhũng.

5. Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 14/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới.

6. Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 10/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

7. Chỉ thị số 06-CT/TU ngày 28/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành án dân sự.

8. Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 24/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự năm 2022 và những năm tiếp theo.

9. Chỉ thị số 21-CT/TU ngày 24/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng hiệu quả giải quyết, xét xử các loại án năm 2022.

10. Quy định số 04-QĐ/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XII. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG

1. Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, án tham nhũng.

2. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

3. Chỉ thị số 04-CT/TW ngày 02/6/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thu hồi tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong các vụ án hình sự, tham nhũng, kinh tế.

4. Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng.

5. Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

6. Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 14/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiếp tục lãnh đạo thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

7. Chỉ thị số 25-CT/TU ngày 14/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong tình hình mới.

8. Chỉ thị số 11-CT/TU ngày 10/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng trên địa bàn tỉnh.

9. Kế hoạch số 19-KH/TU ngày 28/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW ngày 07/12/2015 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng.

10. Quy định số 04-QĐ/TW ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy.

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XIII. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC MẶT TRẬN

1. Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13.
2. Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IX.
3. Pháp lệnh số 34/2007/PL-UBTVQH11 ngày 20/4/2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn.
4. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.
5. Quyết định 218-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 12/12/2013 Quyết định ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.
6. Nghị quyết liên tịch số 403/2017/NQLT-UBTVQH14-CP-ĐCTU BTWMTT quy định chi tiết các hình thức giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận tổ quốc Việt Nam.
7. Thông tri số 10/TTr-MTTW-BTT hướng dẫn thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh".
8. Luật tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14.
9. Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.
10. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.
11. Chỉ thị 03-CT/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" trong tình hình mới.
12. Nghị định số 93/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ về vận động, tiếp nhận, phân phối và sử dụng các nguồn đóng góp tự nguyện hỗ trợ khắc phục khó khăn do thiên tai, dịch bệnh, hỗ trợ bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo.
13. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XIV. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC HỘI NÔNG DÂN

1. Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.
2. Hướng dẫn số 93 - HD/HNDTW ngày 05/8/2019 của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam một số vấn đề cụ thể về thi hành Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam.
3. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Hội nghị lần thứ bảy, Ban Chấp hành Trung ương khóa Đảng X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

4. Kết luận số 61-KL/TW ngày 03/12/2009 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đề án “Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Hội Nông dân Việt Nam trong phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới và xây dựng giai cấp nông dân Việt Nam, giai đoạn 2010-2020”.

5. Quyết định số 673/QĐ-TTg ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Hội Nông dân trực tiếp thực hiện và phối hợp thực hiện một số chương trình, đề án phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nông thôn giai đoạn 2012-2020”.

6. Quyết định số 81/2014/QĐ-TT ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ “Về việc phối hợp giữa các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp với các cấp Hội Nông dân Việt Nam trong việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của nông dân”.

7. Nghị quyết số 10-NQ/HNDTW ngày 27/7/2020 Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Hội Nông dân Việt Nam (Khoá VII) về “Hội Nông dân Việt Nam tham gia phát triển kinh tế tập thể trong nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025”.

8. Hướng dẫn số 205-HD/HNDTW ngày 10/7/2020 của Ban Thường vụ Trung ương Hội Nông dân Việt Nam về “Quy trình thành lập và tổ chức hoạt động của Chi Hội Nông dân nghề nghiệp, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp”.

9. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

10. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XV. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC HỘI PHỤ NỮ

1. Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (Thông qua tại Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ II); Hướng dẫn số 05/HD-BCH ngày 29/6/2017, hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội LHPN Việt Nam.

2. Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11.

3. Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 (ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ).

4. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Chỉ thị số 21-CT/TW ngày 20/1/2018 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh công tác phụ nữ trong tình hình mới.

6. Quy định số 124-QĐ/TW ngày 2/2/2018 của Ban Bí thư về giám sát Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, cán bộ chủ chốt và cán bộ, đảng viên.

7. Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị ban hành Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội.

8. Quyết định 218-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương ngày 12/12/2013 Quyết định ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

9. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

10. Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ Quy định trách nhiệm của Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước.

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2022-2027.

12. Nghị quyết Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Hưng Yên lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2021-2026.

13. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XVI. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC ĐOÀN THANH NIÊN

1. Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI (thông qua tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ngày 13/12/2017); Hướng dẫn số 16 -HD/TWĐTN -BTC, ngày 17/8/2018 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn về việc hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

2. Điều lệ Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam (được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội LHTN Việt Nam lần thứ V thông qua ngày 25/02/2005); Điều lệ (Sửa đổi, bổ sung) Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1176/QĐ-BNV ngày 14/10/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ).

3. Điều lệ Đội TNTP Hồ Chí Minh Khóa VIII, giai đoạn 2018-2023 (Ban hành kèm theo Quyết định số 99 - QĐ/TWĐTN-CTTN ngày 01/8/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh “Về việc ban hành Điều lệ Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh khóa VIII, giai đoạn 2018 – 2023”).

4. Điều lệ Hội Sinh viên Việt Nam (Sửa đổi, bổ sung) Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1739/QĐ-BNV ngày 25/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

5. Luật Thanh niên số 57/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 16/06/2020.

6. Quyết định số 289-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc ban hành Quy chế cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

7. Nghị quyết số 25 -NQ/TW, ngày 25/7/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH”.

8. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho thế hệ trẻ giai đoạn 2015 - 2030”.

9. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện”.

10. Chương trình phát triển thanh niên Hưng Yên giai đoạn 2021-2030 (Ban hành kèm theo Quyết định số 2617/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Hưng Yên “Về việc phê duyệt Chương trình phát triển thanh niên tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2021 – 2030”).

11. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

XVII. CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC BIÊN TẬP, TỔNG HỢP HỘI CỰU CHIẾN BINH

1. Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam khóa VI, nhiệm kỳ 2017-2022.

2. Pháp lệnh Cựu chiến binh số 27/2005/PL-UBTVQH11 ngày 07/10/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

3. Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

4. Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 150/2006/NĐ-CP ngày 12/12/2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh Cựu chiến binh.

5. Nghị quyết số 09-NQ/TW ngày 08/01/2002 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cựu chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

6. Kết luận số 66-KL/TW ngày 04/3/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Cựu Chiến binh Việt Nam trong giai đoạn cách mạng mới.

7. Chỉ thị số 487/TTg ngày 03/7/1997 của Thủ tướng chính phủ về tổ chức và hoạt động của Hội Cựu chiến binh trong cơ quan hành chính, sự nghiệp, doanh nghiệp Nhà nước.

8. Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về “chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế cơ quan chuyên trách của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện”.

9. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025.

Hưng Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA THI TUYỂN CÔNG CHỨC
CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số 06-TB/HĐTDCC ngày 24/6/2022 của Hội đồng Tuyển dụng công chức)

Tổng số: 139 thí sinh

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
I	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ VĂN PHÒNG CẤP ỦY (05)									
1	Nguyễn Thị Hòa		8/4/1992	xã Chuyên Ngoại, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	số 11, ngõ 4, Bắc Lê Hồng Phong, phường Minh Khai, Tp. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Huyện ủy Kim Động	
2	Phạm Thị Huyền		10/8/1997	xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Thôn 4, Phong Lãm, xã Thụy Phong, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Tiếng Anh		Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Huyện ủy Văn Giang	
3	Đoàn Thị Mỹ Linh		22/12/1994	xã Phương Chiêu, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	211 đường Chùa Chuông, phường Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Thành ủy Hưng Yên	
4	Đỗ Hưng Thịnh	02/3/1993		xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	số 115 phố Văn Giang, thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh	Học viên tốt nghiệp đào tạo sĩ quan dự bị	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Huyện ủy Văn Giang	
5	Trần Thị Tuyền		15/7/1994	xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	Huyện ủy Kim Động	
II	VỊ TRÍ VĂN THƯ (02)									
6	Hoàng Thanh Hải	1/9/1992		xã Thủ Sỹ, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Số 36 Ngô Gia Tự, phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Văn thư	Văn phòng Tỉnh ủy	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
7	Vũ Thị Kiều Trang		29/5/1993	xã Hoàng Hanh, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	xã Tân Hưng, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Văn thư	Văn phòng Tỉnh ủy	
III	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ LƯU TRỮ (02)									
8	Nguyễn Thị Hoàng Anh		15/4/1989	xã Hưng Đạo, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Số 17, đường Nguyễn Trãi, phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về lưu trữ	Văn phòng Tỉnh ủy	
9	Vũ Đăng Dương	16/10/1997		Phường Hoàng Diệu, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Tổ 23, P. Hoàng Diệu, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Tiếng Anh		Chuyên viên về lưu trữ	Văn phòng Tỉnh ủy	
IV	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ QUẢN LÝ THÔNG TIN (04)									
10	Trần Quốc Long	19/8/1987		xã Thụy Lôi, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	thôn Thụy Lôi, xã Thụy Lôi, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về quản lý thông tin	Văn phòng Tỉnh ủy	
11	Nguyễn Hồng Phúc	5/11/1991		xã Mai Động, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	số 66, Hồ Xuân Hương, P. Lê Lợi, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh	Con thương binh	Chuyên viên về quản lý thông tin	Văn phòng Tỉnh ủy	
12	Lê Thành Trung	4/8/1985		Thôn Đông An, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Thôn Đông An, xã Tự Tân, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình	Tiếng Anh		Chuyên viên về quản lý thông tin	Văn phòng Tỉnh ủy	
13	Trần Thanh Tuyền	18/5/1984		xã Độc Lập, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Số 74, phố Kỳ Đồng, Thị trấn Hưng Hà, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình	Tiếng Anh	- Con Thương binh hạng 4/4 (31%) - Con nạn nhân chất độc hóa học	Chuyên viên về quản lý thông tin	Văn phòng Tỉnh ủy	
V	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ TÀI CHÍNH ĐẢNG, KẾ TOÁN (08)									
14	Trần Tuấn Anh	6/6/1993		xã Dị Chế, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Chung cư Tân Sáng, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Kế toán	Hội Nông dân tỉnh	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
15	Đỗ Hoài Bắc	9/11/1992		xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	84 Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Tài chính Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	
16	Đào Thị Thu Hương		25/3/1983	xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	TDP Tân Xuân 1, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Tiếng Anh		Chuyên viên về Tài chính Đảng	Văn phòng Huyện ủy Văn Lâm	
17	Trần Thị Mai		02/4/1985	xã Cương Chính, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Phố An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Tài chính Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	
18	Nguyễn Thị Phụng		31/1/1996	xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	thôn Lai Hạ, xã Hùng An, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Kế toán	Hội Nông dân tỉnh	
19	Đỗ Thị Son		13/11/1990	Phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	số 16/12, đường Trung Nhị, phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Tài chính Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	
20	Bùi Thị Thanh Thúy		22/10/1991	xã Hồng Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	số 36 khu F, chợ Phố Hiến, phường Lê Lợi, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Tài chính Đảng	Văn phòng Thành ủy Hưng Yên	
21	Vũ Thị Lệ Thúy		30/10/1991	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Đội 7 thôn Đông Chiêu, xã Liên phương, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về Tài chính Đảng	Văn phòng Thành ủy Hưng Yên	
VI	VỊ TRÍ QUẢN TRỊ, CHUYÊN VIÊN VỀ QUẢN TRỊ (03)									
22	Vũ Thị Hà Giang		10/10/1997	phường An Tảo, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Phố An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Quản trị	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
23	Lê Văn Mạnh	11/10/1987		xã Thành công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Đội 2, xã Thành công, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về quản trị	Văn phòng Huyện ủy Khoái Châu	
24	Trần Văn Quân	28/6/1982		xã Hoàng Hanh, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 19, đường Vũ Trọng Phụng, P.Hiến Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh	Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự	Quản trị	Tỉnh đoàn Hưng Yên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
VII	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC; CHUYÊN VI									
25	Cáp Tú Anh	17/10/1991		Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi	Phố Phạm Ngũ Lão, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về tổ chức xây dựng Đảng	Huyện ủy Ân Thi	
26	Nguyễn Thị Hạnh		06/6/1990	Xã Việt Hòa, huyện Khoái Châu	Đường Trần Quang Khải, khu phố Kim Đằng, phường Lam Sơn, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về tổ chức xây dựng Đảng	Thành ủy Hưng Yên	
27	Đỗ Trung Hiếu	14/01/1989		Xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm	Thôn Minh Hải, xã Lạc Hồng, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về tổ chức xây dựng Đảng	Huyện ủy Văn Lâm	
28	Phạm Thị Quyên		25/12/1991	Xã Đào Dương, huyện Ân Thi	Thôn Phần Lâm, xã Đào Dương, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về tổ chức xây dựng Đảng	Huyện ủy Ân Thi	
29	Ngô Thu Thảo		07/01/1996	Xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động	Thôn An Trạch, xã Đặng Lễ, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về tổ chức xây dựng Đảng	Huyện ủy Ân Thi	
30	Trần Vũ Minh Thu		06/10/1996	Xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động	Thôn Thanh Cù, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về quản lý, phát triển nhân lực	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	
VIII	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO (04)									
31	Bồ Thị Hằng		13/12/1996	Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ	Thôn Xuân Hậu, xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	
32	Nguyễn Thị Thu Hiền		05/9/1987	Xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi	Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh	Con thương binh	Chuyên viên về công tác tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Ân Thi	
33	Vũ Thị Hiền		20/5/1989	Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang	Thôn Bá Khê, xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Huyện ủy Văn Giang	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
34	Nguyễn Thị Phượng		26/10/1991	Xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Số nhà 70 Kim Long Trung, xã Hoàng Long, huyện Phú Xuyên, TP Hà Nội	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác tuyên giáo	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	
IX	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT (06)									
35	Chu Nam Anh	07/12/1991		Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm	Thôn Tuấn Dị, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát	Huyện ủy Văn Lâm	
36	Khương Quốc Công	19/4/1989		Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm	Thôn Tuấn Dị, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát	Huyện ủy Văn Lâm	
37	Hoàng Văn Học	28/10/1995		Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi	Thôn Mai Xuyên, Thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát	Huyện ủy Ân Thi	
38	Lê Thu Huyền		27/01/1989	Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu	Số nhà 40, đường Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát	Đảng ủy khối CQ-DN tỉnh	
39	Nguyễn Văn Thắng	14/12/1996		Xã Kim Xuyên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	Đường 3/2, Phố Hoàng Văn Thụ, thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát	Huyện ủy Ân Thi	
40	Phạm Quốc Toàn	10/9/1991		Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ	Đội 3, thôn Tân Khai, xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát	Huyện ủy Ân Thi	
X	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH (06)									
41	Phan Quang Cường	24/11/1992		Xã Liên Khê, huyện Khoái Châu	Thôn Kênh Hạ, xã Liên Khê, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh ủy	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
42	Nguyễn Quốc Hanh	04/9/1999		Xã Đức Hợp, huyện Kim Động	Số nhà 17 đường Đinh Điền, phường Lam Sơn, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
43	Nguyễn Vũ Thu Huyền		15/10/1994	Xã Tiên Tiến, huyện Phù Cừ	Chung Cư PH, phường Hiển Nam, TP. Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
44	Nguyễn Thị Thu Hường		02/9/1997	Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	Đội 7, xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
45	Hoàng Ngọc Minh Thúy		14/02/1998	Xã Bảo Khê, TP Hưng Yên	Đường Mạc Đĩnh Chi, thôn Vạn Tường, xã Bảo Khê, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
46	Nguyễn Văn Tùng	05/7/1990		Xã Quảng Châu, TP Hưng Yên	Đội 2, thôn 1, xã Quảng Châu, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác nội chính	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
XI	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG (01)									
47	Vũ Nguyên Đức	22/9/1997		Xã Long Hưng, huyện Văn Giang	Thôn Ngọc Bộ, xã Long Hưng, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác phòng chống tham nhũng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	
XII	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC DÂN VẬN (14)									
48	Khương Tuấn Anh	18/8/1993		Xã Vĩnh Khúc, huyện Văn Giang	Số 309 Phố Văn Giang, Thị trấn Văn Giang, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Văn Giang	
49	Nguyễn Thị Thanh Cúc		06/01/1985	Xã Dương Quang, thị xã Mỹ Hào	Tổ dân phố Văn Nhuế, phường Bản Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
50	Đỗ Mạnh Hà	02/9/1990		Xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm	Thôn Tuấn Dị, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Văn Lâm	
51	Đặng Ngọc Hân		29/10/1996	Xã Tân Châu, huyện Khoái Châu	Đường Lê Văn Lương, phường An Tảo, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
52	Lương Đình Huy	27/10/1991		Xã Ngô Quyền, huyện Tiên Lữ	Số nhà 417, phố Nguyễn Trãi, khu Hòa Bình, thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Tiên Lữ	
53	Phạm Thị Hương		28/11/1987	Xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ	Khu đô thị Tân Phố Hiến, phường Lam Sơn, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
54	Nguyễn Thị Nhung		27/11/1990	Xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ	Thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Tiên Lữ	
55	Vũ Mai Phương		22/4/1991	Xã Phú Thịnh, huyện Kim Động	Số nhà 77 đường Nguyễn Công Hoan, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
56	Nguyễn Đăng Quang	26/9/1987		Xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ	Thôn Thụy Lâm, xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Ân Thi	
57	Đặng Thị Tây		09/01/1995	Thôn Xuân La, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	Thôn Xuân La, xã Phượng Dực, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Ân Thi	
58	Nguyễn Thị Phương Thanh		28/5/1992	Xã Đoàn Đào, huyện Phù Cừ	Đường Nguyễn Viết Xuân, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
59	Đoàn Xuân Thoại	07/10/1990		Xã Dị Chế, huyện Tiền Lữ	Số nhà 16 Phố mới, thôn Nghĩa Chế, xã Dị Chế, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
60	Đỗ Thị Thu Thương		29/11/1990	Xã Mỹ Sở, huyện Văn Giang	Xã Thắng Lợi, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Huyện ủy Văn Giang	
61	Nguyễn Thị Với		25/5/1988	Xã Dương Quang, thị xã Mỹ Hào	Số nhà 5A đường Trưng Nhị, phường Quang Trung, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác dân vận	Ban Dân vận Tỉnh ủy	
XIII	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC HỘI NÔNG DÂN (11)									
62	Ngô Thị Chiên		08/02/1979	Trung Trắc, Văn Lâm	tổ dân phố Cộng Hòa, p Bản Yên Nhân, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Huyện Văn Lâm	
63	Phạm Đức Duy	17/11/1995		Áp Trung, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	Áp Trung, Tiền Phong, Mê Linh, Hà Nội	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Huyện Ân Thi	
64	An Thị Hà		12/7/1998	Hưng Đạo, Tiền Lữ, Hưng Yên	Số 264, thị trấn Vương, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Hội Nông dân	
65	Lê Thị Hồng Hạnh		07/10/1982	xã Dị Sơn, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Số 145, tổ dân phố 3, phường Hòa Mạc, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Hội Nông dân	
66	Phạm Thị Thúy Hằng		26/5/1990	phường Hồng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 78/190 đường Nguyễn Trãi, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Huyện Tiền Lữ	
67	Trần Mạnh Hiên	06/9/1982		Ngô Quyền, Tiền Lữ, Hưng Yên	SN237 đường Lê Văn Lương, p An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh	Con Thương binh hạng 2/4	Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Hội Nông dân	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
68	Phạm Thị Lan Hương		14/01/1989	Phan Đình Phùng, thị xã Mỹ Hào	SN205, Điện Biên, p Lê Lợi, tp Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Hội Nông dân	
69	Nguyễn Công Nam	07/12/1998		thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	phố Đông Hải, thị trấn Vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Hội Nông dân	
70	Đỗ Nam Quyền	03/5/1996		Đình Dù, Văn Lâm	thôn Đình Dù, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Huyện Văn Lâm	
71	Trần Thị Ngọc Thùy		09/3/1993	xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Huyện Kim Động	
72	Cao Thị Thu Trang		05/01/1996	phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 210, Điện Biên 2, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội nông dân	Hội Nông dân	
XIV	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC MẶT TRẬN (11)									
73	Nguyễn Phương Anh		25/10/1998	xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 35 Phạm Ngũ Lão, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
74	Lương Ngọc Duy	28/10/1999		Xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đội 2, xã Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
75	Đoàn Hương Giang		19/5/1998	xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	thôn Hải Yên, xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Huyện Tiên Lữ	
76	Nguyễn Xuân Khuê	23/9/1999		xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	xã Phan Sào Nam, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ tỉnh	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
77	Hoàng Hải Linh		30/9/1996	xã Vũ Xá, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	55 đường Tổng Trân, p Quang Trung, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
78	Đào Đức Long	18/4/1998		xã Thù Sỷ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Số 27 đường Hoàng Văn Thụ, p Quang Trung, tp Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
79	Nguyễn Thị Ngọc Mai		15/9/1990	thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	thị trấn Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Huyện Ân Thi	
80	Nguyễn Thị My		18/9/1998	xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đội 7, thôn Diệt Pháp, xã Thiện Phiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
81	Nguyễn Thị Nguyệt		27/4/1994	xã Hồ Tùng Mậu, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	thôn Bình Lãng, xã Tiên Phong, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Huyện Ân Thi	
82	Cao Thị Bích Phượng		12/4/1994	xã Nam Hưng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	thôn Lộc Trung, xã Nam Hưng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	
83	Đoàn Thị Sơn		19/4/1991	xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình	thôn Lai Triều, xã Dương Phúc, huyện Thái Thụy tỉnh Thái Bình	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác mặt trận	Huyện Ân Thi	
XV	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC HỘI PHỤ NỮ (07)									
84	Cao Thị Hồng Hà		09/3/1993	xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 3, ngõ chợ cũ, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	
85	Vũ Thúy Hà		08/5/1993	phố An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	phố An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
86	Vũ Thị Diệu Linh		06/02/1994	xã Lê Xá, huyện Tiền Lữ, tỉnh Hưng Yên	Đội 4, An Bình, phường An Tảo, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	
87	Trần Thị Nhưng		15/7/1987	xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	Số 72, khu dân cư mới số 1, thị trấn Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Huyện Văn Lâm	
88	Nguyễn Thị Hồng Thắm		16/4/1989	xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	thôn Dường Phú, xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Huyện Kim Động	
89	Phạm Thị Thu		09/8/1993	xã Minh Tân, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Số 14A Trần Quốc Toàn, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	
90	Nguyễn Thị Tú Trinh		23/12/1993	thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	thôn Đồng Lý, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác hội phụ nữ	Huyện Ân Thi	
XVI	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC HỘI CỰU CHIẾN BINH (02)									
91	Đỗ Thị Hà Linh		26/3/1993	xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	thôn Dường Phú, xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác Hội cựu chiến binh	Huyện Kim Động	
92	Vũ Bích Phương		09/10/1988	phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 45 Hoàng Văn Thụ, phường Quang Trung, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng anh	Con Thương binh hạng 4/4	Chuyên viên về công tác Hội cựu chiến binh	Huyện Kim Động	
XVII	VỊ TRÍ CHUYÊN VIÊN VỀ CÔNG TÁC ĐOÀN THANH NIÊN (47)									
93	Nguyễn Ngọc Vân Anh		25/3/1997	Đình Cao, Phù Cừ, Hưng Yên	Cao Xá 1, Phường Lam Sơn, Thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
94	Nguyễn Phương Anh		29/11/1997	xã Đức Thắng, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	Phố Đông Hải, TT Vương, Tiên Lữ, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
95	Nguyễn Trần Hải Anh		10/3/1996	xã Thanh Long, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	228, Nguyễn Khoái, Khoái Châu, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
96	Nguyễn Việt Anh	16/3/1995		Hiển Nam, TP Hưng Yên	213 Tô Hiệu, phường Hiến Nam, TP Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
97	Trần Tuấn Anh	24/6/1999		xã Nghĩa Dân, huyện Kim Động, Hưng Yên	thôn Trúc Cầu, xã Nghĩa Dân, Kim Động	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
98	Vũ Thị Phương Anh		14/7/1997	Nam Đồng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Khu La Xuyên, Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
99	Dương Thị Uyên Chi		13/3/1999	Đào Dương, Ân Thi, Hưng Yên	Đào Xá, Đào Dương, Ân Thi, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Ân Thi	
100	Lê Thành Công	20/9/1998		xã Phụng Công, huyện Văn Giang, Hưng Yên	thôn Bến, xã Phụng Công, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Văn Giang	
101	Phạm Văn Diện	09/8/1994		xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định	14A Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
102	Dương Chí Dũng	17/11/1997		Hồng Vân, Ân Thi, Hưng Yên	thôn Đan Trảng, xã Hồng Vân, Ân Thi, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Ân Thi	
103	Trần Văn Dũng	21/7/1997		xã Tiên Lương, huyện Cẩm Khê, Phú Thọ	Khu An Đồng, xã Tiên Lương, Cẩm Khê, Phú Thọ	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
104	Tạ Minh Đức	12/5/1998		Thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh	Số 18, khối 2, đường Tam Thanh, P Tam Thanh, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
105	Nguyễn Hoàng Giang	26/8/1994		Hồng Châu, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Số 43A Đàng Giang, Minh Khai, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
106	Nguyễn Thị Hà		16/5/1999	xã Phạm Ngũ Lão, Kim Động, Hưng Yên	Cốc Ngang, Phạm Ngũ Lão, Kim Động, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
107	Phạm Thúy Hiền		29/11/1997	xã Tuấn Việt, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương	số 255 Park River, KĐT Ecopark, Văn Giang, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
108	Nguyễn Chi Hiệp	06/10/1997		xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, Hưng Yên	Đội 3, thôn Duyên Yên, xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Kim Động	
109	Nguyễn Trung Hiếu	01/4/1996		xã Ngọc Thanh, huyện Kim Động, Hưng Yên	Số 7 Bùi Thị Cúc, TT Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
110	Trần Duy Hùng	30/6/1998		xã Nhân Hòa, huyện Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng	Số 52, Hồ Xuân Hương, phường Lê Lợi, Thành phố Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
111	Phạm Thị Xuân Hương		20/9/1993	Yên Thắng, Ý Yên, Nam Định	Số LK3.17 Khu đô thị Tân Phố Hiến, phường Lam Sơn, TP Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
112	Nguyễn Đức Kiên	09/12/1995		Thành phố Hưng Yên	Số 58 Hồ Xuân Hương, phường Lê Lợi, TP Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
113	Vũ Trung Kiên	31/01/1998		phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Số 113, Trần Hưng Đạo, khu 2, phường Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
114	Đoàn Thị Thùy Linh		15/4/1999	xã Nguyên Giáp, huyện Tứ Kỳ, Hải Dương	Số LK 6.22, khu đô thị Tân Phổ Hiến, Đình Diên, Phường Lam Sơn, TP Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	ĐUK Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh	
115	Đỗ Thị Kiều Loan		29/9/1995	xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	thôn Chấn Đông, xã Hoàn Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Văn Giang	
116	Nguyễn Văn Long	27/3/1983		Phạm Ngũ Lão, Kim Động, Hưng Yên	Căn hộ 2624, tòa N04, Ecohome 3, Đông Ngạc, Bắc Từ Liêm, Hà Nội	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
117	Ngô Thị Lương		20/01/1992	Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	Thôn An Lạc, xã Trung Trắc, Văn Lâm, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Văn Lâm	
118	Đinh Trà My		7/12/1999	xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Thôn Liêu Trung, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	ĐUK Cơ quan - Doanh nghiệp tỉnh	
119	Nguyễn Thị Ngọc		12/02/1993	xã Bảo Khê, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Đội 9 thôn Thanh Cù, xã Ngọc Thanh, huyện Kim động, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
120	Hoàng Thị Nguyệt		11/11/1994	xã Bắc Sơn, huyện Ân Thi, Hưng Yên	thôn An Khai, Bắc Sơn, Ân Thi, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
121	Phạm Thị Nhi		24/5/1997	xã Vũ Xá, huyện Kim Động, Hưng Yên	Số 14, Phạm Ngũ Lão, TT Ân Thi, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Ân Thi	
122	Nguyễn Thị Nhung		14/4/1994	xã Tam Đa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Xóm 5, thôn Tam Đa, xã Tam Đa, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Tiên Lữ	
123	Trần Thị Ninh		15/9/1993	An Tảo, TP Hưng Yên, Hưng Yên	212 Triệu Quang Phục, An Tảo, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
124	Nguyễn Thị Minh Phụng		17/9/1996	phường Hiến Nam, TP Hưng Yên, Hưng Yên	số 6 đường Bãi Sậy, phường Hiến Nam, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
125	Lê Thị Hồng Phượng		12/6/1997	Sơn Phú, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Sơn Phú, Hương Sơn, Hà Tĩnh	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
126	Nguyễn Thị Thanh		28/6/1995	xã Yên Phú, huyện Yên Mỹ, Hưng Yên	Số 42/50, ngõ 197 Hoàng Mai, Hà Nội	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Văn Giang	
127	Phạm Tâm Thảo		15/7/1998	Lương Bằng, Kim Động, Hưng Yên	số 15 đường 266, Minh Khai, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
128	Nguyễn Thị Thắm		17/7/1995	xã Tân Hương, huyện Ninh Giang, Hải Dương	số 28 Nguyễn Huệ, phường Lê Lợi, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
129	Chu Đức Thắng	03/12/1993		Hải triều, Tiên Lữ, Hưng Yên	Số 24 đường Phạm Huy Thông, Lê Lợi, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
130	Lương Đức Thịnh	15/3/1996		Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	Yên Phú, Yên Mỹ, Hưng Yên	Tiếng anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tinh đoàn Hưng Yên	
131	Phạm Thị Thanh Thủy		05/12/1997	xã An Viên, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	thôn An Xá, xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Tiên Lữ	
132	Trần Mạnh Tiến	22/10/1995		xã An Viên, huyện Tiên Lữ, Hưng Yên	thôn Ba Hàng, xã Thủ Sỹ, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Tiên Lữ	
133	Lương Thị Trang		17/11/1997	xã Đồng Thanh, huyện Kim Động, Hưng Yên	thôn Kim Đằng, phường Lam Sơn, TP Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Thành phố Hưng Yên	

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Vị trí đăng ký dự tuyển	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Ghi chú
		Nam	Nữ							
134	Nguyễn Minh Trang		01/12/1998	xã Hồng Quang, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên	7/6 Phùng Chí Kiên, An Tảo, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Miễn thi (chuyên ngành Ngôn ngữ Anh)		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
135	Trịnh Thị Thu Trang		31/10/1992	xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, Hưng Yên	thôn Đình Dù, xã Đình Dù, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Văn Lâm	
136	Đỗ Văn Trung	15/01/1995		xã Phùng Hưng, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên	số 7 Duy Tân, phường Bình Hàn, TP Hải Dương, Hải Dương	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
137	Phạm Quang Trung	12/1/1997		Xã Tân Tiến, huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên	Số 111 Thảo Nguyên, Ecopark, Văn Giang	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Huyện Văn Giang	
138	Phạm Văn Tuấn	17/01/1997		Minh Hoàng, Phù Cừ, Hưng Yên	số 38, đường 266, phường Minh Khai, TP Hưng Yên, Hưng Yên	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	
139	Nguyễn Thị Tuyết		19/8/1995	xã Cộng Hòa, huyện Hưng Hà, Thái Bình	thôn Trung Thành, xã Cộng Hòa, Hưng Hà, Thái Bình	Tiếng Anh		Chuyên viên về công tác đoàn thanh niên	Tỉnh đoàn Hưng Yên	

Hung Yên, ngày 24 tháng 6 năm 2022

**DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN THAM GIA THI TUYỂN CÔNG CHỨC
CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MTTQ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH NĂM 2022**

(Kèm theo Thông báo số 06-TB/HĐTDCC ngày 24/6/2022 của Hội đồng Tuyển dụng công chức)

Tổng số: 04 thí sinh

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Quê quán	Chỗ ở hiện nay	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Đối tượng ưu tiên	Đơn vị đăng ký dự thi	Lý do không đủ điều kiện
		Nam	Nữ						
I Vị trí Chuyên viên về quản lý, phát triển nhân lực									
1	Trần Duy Lượng	17/10/1979		Xã Phú Cường, huyện Ba Vì, TP Hà Nội	Số nhà 165, đường Hùng Vương, phường Hội Hợp, TP Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc	Tiếng Anh	Con thương binh hạng 4/4	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Chuyên ngành đào tạo không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm
II Vị trí Chuyên viên về lưu trữ									
2	Phạm Thị Nhâm		26/12/1982	xã An Viên huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	phòng 603, Chung cư PH, đường Hoàng Quốc Việt, phường Hiến Nam, thành phố Hưng Yên	Tiếng Anh		Văn phòng Huyện ủy Tiên Lữ	Chuyên ngành đào tạo không phù hợp với yêu cầu của vị trí việc làm
I Vị trí Chuyên viên về công tác kiểm tra, giám sát									
3	Bùi Thị Tươi		19/10/1992	Xã Đào Dương, huyện Ân Thi	Quang Vinh, Ân Thi, Hưng Yên	Tiếng Anh	Không	Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Ân Thi	Chưa là Đảng viên
II Chuyên viên về quản lý thông tin									
4	Lã Thị Minh Hồng		02/02/1998	xã Quảng Châu, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	số 81, Điện Biên 1, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên	Tiếng Anh	Không	Văn phòng Tỉnh ủy	Chưa là Đảng viên (mới học Cẩm tình đảng).

